TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CP** **TỈNH AG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:130/2023/HNGĐ-ST
Ngày : 21 – 3– 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng V

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Phượng.

2. Ông Lê Cao Trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Huân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị D – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số529/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Cẩm N, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số 385, tổ 16, ấp Vĩnh Bình, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện CP, tỉnh AG. Địa chỉ liên hệ: Số 169, tổ 6, khóm Vĩnh Hưng, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Diệp Hoàng T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 385, tổ 16, khóm Vĩnh Bình, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện CP, tỉnh AG. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 10 năm 2022, nguyên đơn bà N trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông T do mai mối rồi tiến đến hôn nhân vào năm 2015 có đăng kết hôn tại UBND thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện CP, AG. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, ông T tiêu xài nhiều không lo lắng đến cuộc sống gia đình, đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung tên Diệp Bùi Hoàng Huy, sinh ngày 24/01/2017, hiện cháu Huy đang sống cùng bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huy và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn: Ông Diệp Hoàng T được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa để tham gia các tiến trình tố tụng của Tòa thực hiện theo quy định pháp luật. Ngày 02/3/2023 ông có gửi bản tự khai đến Tòa với nội dung tóm tắt như sau: ông đồng ý ly hôn bà N, ông và bà N có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện CP, AG. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Huy cho bà N trực tiếp nuôi và ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà N: Vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, tiếp tục được nuôi con chung Diệp Bùi Hoàng Huy, sinh ngày 24/01/2017 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông T: có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Bà N và ông T có đăng ký kết hôn, hôn nhân hợp pháp;

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Qua đó cho thấy ông T không muốn tiếp tục cuộc hôn này với bà N đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

+ Về con chung: Bà N và ông T có một con chung tên Diệp Bùi Hoàng Huy, sinh ngày 24/01/2017, hiện cháu Huy đang sống cùng N. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huy và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T cũng đồng ý giao cháu Huy cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà N.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Do ông T cư trú tại thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện CP, tỉnh AG, nên Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà N có mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N, thấy rằng:

+ Bà N và ông T có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà N trình bày, vợ chồng chung sống hòa thuận thời gian đầu nhưng về sau có nhiều mâu thuẫn, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, lý do ông T tiêu xài nhiều không lo lắng đến cuộc sống gia đình, đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn thì được ông Diệp Văn Khẩn (cha ruột ông T) cung cấp thông tin vào năm 2021 thì vợ chồng T và N lên Bình Dương làm công nhân thì xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn ra sao thì không rõ chỉ biết là hai đứa không sống chung với nhau từ tháng 5/2021 cho đến nay. Tại địa phương cung

cấp thông tin là giữa bà N và ông T có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ.

Xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông T thực tế là có phát sinh mâu thuẫn, trong thời gian hơn hai năm không sống cùng nhau các bên không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng với nhau. Bà N kiên quyết yêu cầu được ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà N. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa hai người đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

+ Về con chung: Bà N và ông T có một con chung tên Diệp Bùi Hoàng Huy, sinh ngày 24/01/2017, hiện cháu Huy đang sống cùng bà N. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huy và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T cũng đồng ý giao cháu Huy cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.Để đảm bảo ổn định cho cuộc sống của cháu Huy, Hội đồng xét xử chấp thuận giao cháu Huy cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do bà là người yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Cẩm N, bà Bùi Thị Cẩm N được ly hôn với ông Diệp Hoàng T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 92 cấp ngày 27 tháng 5 năm 2016 của UBND thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện CP, AG không còn giá trị pháp lý, khi bản án có hiệu luật pháp luật).

- Về con chung: Giao con chung tên Diệp Bùi Hoàng Huy, sinh ngày 24/01/2017 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu Huy đang sống cùng bà N. Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu.

(Việc trực tiếp nuôi con chưa đủ 18 tuổi và việc cấp dưỡng nuôi con không cố định, có thể thay đổi theo quy định của pháp luật.)

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Cẩm N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0004960 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP nên không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG; (1)
- VKSND huyện CP; (1)
- CCTHADS huyện CP; (1)
- Đương sự; (2)
- UBND TT Vĩnh Thạnh Trung (1);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT. (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng V